

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm chỉ khâu, dao phẫu thuật, vật tư cho dao mổ điện, dao siêu âm của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến trước 16h00 ngày 12 tháng 11 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế khoa hỗ trợ sinh sản:

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	1. Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ			
1.1	Chỉ khâu liên kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 2/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide hoặc tương đương Số 2/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24 mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	700

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1.2	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 3/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide hoặc tương đương Số 3/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 24 mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	500
1.3	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 4/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide hoặc tương đương Số 4/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 19 mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	500
1.4	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polyamide số 5/0, dài 75 cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide hoặc tương đương Số 5/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm. Kim thép không rỉ, được phủ silicone hoặc tương đương, kim thân tam giác, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 16 mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	500
1.5	Chỉ khâu liền kim không tiêu đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài 90 cm	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene hoặc tương đương Số 5/0, dài $\geq 90$ cm, 2 kim tròn đầu cắt, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	60
<b>2. Chỉ khâu tiêu chậm các loại, các cỡ</b>				
2.1	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 1/0, dài 90cm	Chỉ tiêu chậm đa sợi thành phần từ Polyglycolic acid hoặc tương đương và được bao phủ bằng hỗn hợp copolymer hoặc tương đương. Sợi chỉ số 1/0, dài $\geq 90$ cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 40mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Sợi chỉ đạt lực khô nết buộc ban đầu đạt $\geq 140\%$ tiêu chuẩn được điển Mỹ. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Sợi	10.000
2.2	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 2/0, dài 75 cm	Chỉ tiêu chậm đa sợi thành phần từ Polyglycolic acid hoặc tương đương và được bao phủ bằng hỗn hợp copolymer hoặc tương đương. Sợi chỉ Số 2/0, dài $\geq 75$ cm. Kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Sợi chỉ đạt lực khô nết buộc ban đầu đạt $\geq 140\%$ tiêu chuẩn được điển Mỹ. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Sợi	3.000
2.3	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 3/0, dài 75 cm	Chỉ tiêu chậm đa sợi thành phần từ Polyglycolic acid hoặc tương đương và được bao phủ bằng hỗn hợp copolymer hoặc tương đương. Sợi chỉ Số 3/0, dài $\geq 75$ cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Sợi chỉ đạt lực khô nết buộc ban đầu đạt $\geq 140\%$ tiêu chuẩn được điển Mỹ. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Sợi	720
2.4	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 3/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương Số 3/0, dài $\geq 70$ cm, kim thân tròn cong, độ cong kim 1/2 vòng tròn, dài 22mm. Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	6.480
2.5	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đa sợi Polyglycolic acid số 4/0, dài 75cm	Chỉ tiêu chậm đa sợi thành phần từ Polyglycolic acid hoặc tương đương và được bao phủ bằng hỗn hợp copolymer hoặc tương đương. Sợi chỉ số 4/0, dài $\geq 75$ cm. Kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Sợi chỉ đạt lực khô nết buộc ban đầu đạt $\geq 140\%$ tiêu chuẩn được điển Mỹ. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Sợi	900
2.6	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 4/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương Số 4/0, dài $\geq 70$ cm, kim thân tròn cong, độ cong kim 1/2 vòng tròn, dài 22mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	360
2.7	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 5/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương Số 5/0, dài $\geq 70$ cm, kim thân tròn cong, độ cong kim 1/2 vòng tròn, dài 17mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	1.800
2.8	Chỉ khâu liền kim tiêu chậm đơn sợi glyconate, số 6/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate hoặc tương đương Số 6/0, dài $\geq 70$ cm, kim thân tròn đầu thon nhọn, độ cong kim 3/8 vòng tròn, dài 10mm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	432
2.9	Chỉ khâu liền kim có neo không thắt nút tiêu chậm Polydioxanone số 1 dài 45cm	Chỉ tiêu chậm đơn sợi có neo không thắt nút thành phần Polydioxanone hoặc tương đương, có tẩm chất kháng khuẩn Triclosan hoặc tương đương, dài $\geq$	Sợi	240

NHÀ SẢN PHẨM QUẢN

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		45cm, kim tròn đầu tròn, dài 40mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.		
2.10	Chỉ khâu hở eo từ cung	Băng khâu hở eo cổ từ cung bằng polyester hoặc tương đương dài ≥ 40cm, thân dây ≥ 5mm, 2 kim tròn ≥ 48mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA.	Sợi	270
	<b>3. Chỉ khâu tiêu nhanh các loại, các cỡ</b>			
3.1	Chỉ khâu liền kim tiêu nhanh đa sợi Polyglycolic acid số 2/0, dài 90cm	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi thành phần từ Polyglycolic acid hoặc tương đương, được bao phủ bằng một hỗn hợp copolymer hoặc tương đương. Chỉ số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt, được phủ silicone, dài 36mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Chỉ tiêu hoàn toàn trong ≤ 42 ngày. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	5.000
3.2	Chỉ khâu liền kim không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 3/0, dài 90cm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester hoặc tương đương bao phủ bằng polybutylate hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim hình tròn đầu cắt, kim dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Sợi	24
	<b>4. Dao phẫu thuật</b>			
4.1	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các số	Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	10.000
4.2	Dao cắt mẫu bệnh phẩm	Lưỡi dao cắt tiêu bản. Độ nghiêng lưỡi dao: 34độ/80x8x0,25 mm. Dùng cắt lạnh và cắt thường tiêu bản. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	400
4.3	Tấm dán điện cực trung tính sử dụng một lần	Điện cực trung tính đôi người lớn dùng 01 lần sử dụng trong phẫu thuật cắt đốt.	Cái	600
4.4	Tay dao mổ điện	Tay dao mổ điện sử dụng 01 lần.	Cái	100
	<b>5. Vật tư tiêu hao cho dao mổ điện Conmed</b>			
5.1	Bản điện cực âm cho dao mổ điện	Bản điện cực âm. Tương thích với dao mổ điện Conmed	Cái	400
5.2	Cán dao điện mở mở dùng một lần các loại	Cán dao đơn cực dùng 1 lần. Tương thích với dao mổ điện Conmed	Cái	80
	<b>6. Vật tư tiêu hao cho dao mổ siêu âm kèm hàn mạch Ethicon Endo Surgery</b>			
6.1	Dao cắt cầm máu siêu âm dùng cho mổ mở các loại	Dao siêu âm cán dài 17cm với công nghệ thích ứng mô. Tương thích sử dụng với dao mổ siêu âm GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Cái	1
6.2	Dao cắt cầm máu siêu âm dùng cho mổ nội soi các loại	Dao siêu âm đường kính 5mm, dài 36cm, với Công nghệ thích ứng mô. Tương thích sử dụng với dao mổ siêu âm GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Cái	40
6.3	Dây dao siêu âm	Dây dao siêu âm. Tích hợp với máy phát chính GEN11. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Cái	5
6.4	Troca nhựa an toàn không dao	Trocar an toàn không lưỡi dao, ống ngoài có rãnh cố định đường kính 5mm-12mm, chiều dài 100mm, đường vào hình thấu, đầu trocar trong suốt, có đường vào cho camera. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFG.	Cái	200

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Nt; SYTON (đăng tải)
- Lưu: VT, TCU.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Minh Cường**



**PHỤ LỤC  
BÁO GIÁ**

**Kính gửi:** ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá theo các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
3												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà  
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))